

Số: 4477/QĐ-CT-XP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Văn bản giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 8607/CT-GQ ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Cục Trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra số 262/BBKT-CT-KT3 ký ngày 13 tháng 9 năm 2016 tại Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt của Đoàn kiểm tra Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2017/QĐ-CT-KT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Cục Trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm tra Thuế số 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với:

Tổ chức: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt.

Do Bà: Nguyễn Thị Bích Hồng Chức vụ: Tổng Giám đốc làm đại diện.

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh chứng khoán.

Mã số thuế: 0309312029.

Địa chỉ: Tòa Nhà Him Lam, 234 Ngô Tất Tố, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Giấy phép hoạt động số 316/UBCK-GP ngày 20/4/2010 do Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau:

1. Hình thức xử phạt: Phạt tiền với mức phạt: 20.175.657 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Trong đó:

a) Phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục về thuế với mức phạt: không.

b) Phạt tiền về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp với mức phạt (tiểu mục - 4254): 20.175.657 đồng.

c) Phạt tiền về hành vi trốn thuế với mức phạt: không.

2. Biện pháp để khắc phục hậu quả:

a) Truy thu thuế GTGT (tiểu mục - 1701): 201.756.571 đồng.

b) Điều chỉnh giảm lỗ thuế TNDN: 5.057.336.629 đồng. Trong đó:

- Giảm lỗ thuế TNDN năm 2011: 35.003.380 đồng,
- Giảm lỗ thuế TNDN năm 2012: 5.022.333.249 đồng.

Điều chỉnh giảm thuế GTGT còn được khấu trừ: Yêu cầu NNT tự kê khai điều chỉnh giảm số thuế GTGT còn được khấu trừ của kỳ kê khai thuế hiện tại với số tiền: 66.353.543 đồng.

c) Số tiền chậm nộp tiền thuế GTGT (tiểu mục: 4911): 145.086.038 đồng.

Vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Cụ thể:

Kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kê khai HHDV bán ra chưa đúng quy định, xác định sai thuế suất thuế GTGT HHDV bán ra, đã vi phạm Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12.

Kê khai sai các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12.

Áp dụng xử phạt theo khoản 1, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: không có.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này và có trách nhiệm nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt theo quy định tại Điều 1 vào tài khoản số: 7111.1056137 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh.

Quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, mà Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Doanh nghiệp sẽ phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày ký, Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt để chấp hành Quyết định xử phạt.
2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP.HCM để thu tiền phạt.
3. Gửi cho Phòng Kế khai Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế - Cục Thuế TP.Hồ Chí Minh để tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT3.





Số: *13*/BBKT-CT-KT3

BIÊN BẢN KIỂM TRA
tại Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-CT-KT ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt, mã số thuế: 0309312029.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Thời kỳ kiểm tra: năm 2011-2012.

Hôm nay, ngày *13* / *9* / 2016, tại Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt, chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông: Lê Như Thuận - Chức vụ: nhân viên - Trưởng đoàn;
- Bà: Phan Thị Thu Nhung - Chức vụ: nhân viên - Thành viên.

2. Người nộp thuế:

- Bà: Nguyễn Thị Bích Hồng - Chức vụ: Tổng Giám đốc, đại diện cho Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt.
- Bà: Trần Lan Hương - Chức vụ: Kế toán trưởng.

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

I/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Giấy phép hoạt động số 316/UBCK-GP ngày 20/04/2010 do Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: kinh doanh chứng khoán.
- Hình thức hạch toán kế toán: Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12.
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế TP.HCM.
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: khấu trừ.
- Mục lục Ngân sách: Cấp 1 .Chương 554 Loại 340 Khoản 342.
- Các đơn vị thành viên: 01 chi nhánh.



Handwritten signature

II. NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

2.1/ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Năm 2011			
1. Tổng thu nhập chịu thuế thuộc diện phải khấu trừ	9.440.547.413	9.440.547.413	0
2. Tổng số thuế phải nộp cả năm	625.733.081	625.733.081	0
Năm 2012			
1. Tổng thu nhập chịu thuế thuộc diện phải khấu trừ	4.108.135.443	4.108.135.443	0
2. Tổng số thuế phải nộp cả năm	217.170.720	217.170.720	0

2.2/ Thuế TNCN từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán:

	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
Năm 2011			
1. Thu nhập từ đầu tư vốn:			
1.1. Tổng thu nhập tính thuế	5.875.755.400	5.875.755.400	0
1.2. Tổng số thuế đã khấu trừ (5%)	293.787.770	293.787.770	0
2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:			
2.1. Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng	1.273.542.518.827	1.273.542.518.827	0
2.2. Tổng số thuế đã khấu trừ	1.198.440.948	1.198.440.948	0
Năm 2012			
1. Thu nhập từ đầu tư vốn:			
1.1. Tổng thu nhập tính thuế	908.845.820	908.845.820	0
1.2. Tổng số thuế đã khấu trừ (5%)	45.442.291	45.442.291	0
2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:			
2.1. Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng	443.693.704.700	443.693.704.700	0
2.2. Tổng số thuế đã khấu trừ	398.312.051	398.312.051	0

2.3/ Thuế GTGT:

Năm 2011:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2. HHDV mua vào trong kỳ	13.671.039.317	13.671.039.317	0
3. Thuế GTGT của HHDV mua vào	1.431.289.363	1.431.289.363	0
4. Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	159.245.292	23.750.272	-135.495.020
5. HHDV bán ra trong kỳ	19.056.453.591	109.646.404.270	+90.589.950.679
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT	17.437.022.776	107.826.973.455	+90.389.950.679
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT	1.619.430.815	1.819.430.815	+200.000.000
+ Thuế suất 0%	0	0	
+ Thuế suất 5%	0	0	0
+ Thuế suất 10%	1.619.430.815	1.819.430.815	+200.000.000

6. Thuế GTGT bán ra	161.943.082	181.943.082	+20.000.000
7. Thuế GTGT phải nộp năm TC	84.089.373	158.192.810	+74.103.437
8. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	81.391.583	0	-81.391.583

Giải trình chênh lệch:

- Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này giảm 135.495.020 đồng do phân bổ lại số thuế này theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu.
- HHDV bán ra không chịu thuế tăng 90.389.950.679 đồng do đơn vị khai thiếu thu nhập từ hoạt động môi giới trái phiếu, thu nhập từ hoạt động tự doanh chứng khoán (thu lãi trái phiếu, thu nhập từ lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán,...).
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT tăng 200.000.000 đồng do đơn vị khai thiếu thu nhập từ hoạt động tư vấn tài chính.
- Thuế GTGT phải nộp tăng 74.103.437 đồng, thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau giảm 81.391.583 đồng vì những lý do trên.

Năm 2012:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	81.391.583	0	-81.391.583
2. HHDV mua vào trong kỳ	7.942.907.136	7.942.907.136	0
3. Thuế GTGT của HHDV mua vào	600.618.454	600.618.454	0
4. Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	120.854.971	8.152.712	-112.702.259
5. HHDV bán ra trong kỳ	86.501.750.469	100.230.353.972	+13.728.603.503
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT	85.141.237.455	98.869.840.958	+13.728.603.503
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT	1.360.513.014	1.360.513.014	0
+ Thuế suất 0%	0	0	0
+ Thuế suất 5%	0	0	0
+ Thuế suất 10%	1.360.513.014	1.360.513.014	0
6. Thuế GTGT bán ra	136.051.301	136.051.301	0
7. Điều chỉnh giảm số thuế GTGT các kỳ trước	245.455	245.455	0
7. Thuế GTGT phải nộp năm TC	0	127.653.134	+127.653.134
8. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	66.353.543	0	-66.353.543

Giải trình chênh lệch:

- Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này giảm 112.702.259 đồng do phân bổ lại số thuế này theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu.
- HHDV bán ra không chịu thuế tăng 13.728.603.503 đồng do đơn vị khai thiếu thu nhập từ hoạt động môi giới trái phiếu, thu nhập từ hoạt động tự doanh chứng khoán (thu lãi trái phiếu, thu nhập từ lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán,...).
- Thuế GTGT phải nộp tăng 127.653.134 đồng, thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau giảm 66.353.543 đồng vì những lý do trên.



2.4/ Thuế TNDN:

Năm 2011:

Stt	Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	133.153.279.103	133.153.279.103	0
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh	146.038.253.060	146.003.249.680	-35.003.380
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	(12.884.973.957)	(12.849.970.577)	+35.003.380
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	585.583.457	585.583.457	0
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	2.866.792.588	2.866.792.588	0
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	(2.281.209.131)	(2.281.209.131)	0
7	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(15.166.183.088)	(15.131.179.708)	+35.003.380
8	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	107.954.584	107.954.584	0
9	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	0	0	0
10	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	(15.058.228.504)	(15.023.225.124)	+35.003.380
11	Thu nhập tính thuế TNDN	(15.058.228.504)	(15.023.225.124)	+35.003.380
11	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	0	0	0
12	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ tính thuế	0	0	0
13	Tổng số thuế TNDN phải nộp	0	0	0

Giải trình chênh lệch:

- Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh giảm 35.003.380 đồng do:

+ Giảm chi phí với số tiền 170.498.400 đồng do tại thời điểm kiểm tra Cty không cung cấp được hồ sơ, không chứng minh được các khoản chi: 170.498.400 đồng này được trừ theo quy định tại khoản 1 Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế TNDN. (chi tiết đính kèm trên Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra).

+ Tăng chi phí với số tiền 135.495.020 đồng, là khoản thuế GTGT đầu vào bị loại khấu trừ qua kiểm tra do phân bổ lại theo tỷ lệ.

- Thu nhập tính thuế TNDN tăng 35.003.380 đồng vì những lý do trên.

Năm 2012:

Stt	Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	108.303.920.056	108.303.920.056	0
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh	118.096.126.360	113.073.793.111	-5.022.333.249

3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	(9.792.206.304)	(4.769.873.055)	+5.022.333.249
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	567.362.776	567.362.776	0
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	2.175.000.210	2.175.000.210	0
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	(1.607.637.434)	(1.607.637.434)	0
7	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(11.399.843.738)	(6.377.510.489)	+5.022.333.249
8	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	97.217.750	97.217.750	0
9	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	1.006.892.400	1.006.892.400	0
10	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	(12.309.518.388)	(7.287.185.139)	+5.022.333.249
11	Thu nhập tính thuế TNDN	(12.309.518.388)	(7.287.185.139)	+5.022.333.249
11	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	0	0	0
12	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ tính thuế	0	0	0
13	Tổng số thuế TNDN phải nộp	0	0	0

Giải trình chênh lệch:

- Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh giảm 5.022.333.249 đồng do:

+ Giảm chi phí với số tiền 139.730.500 đồng do tại thời điểm kiểm tra Cty không cung cấp được hồ sơ, không chứng minh được các khoản chi: 139.730.500 đồng này được trừ theo quy định tại khoản 1 Mục IV Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế TNDN. (chi tiết đính kèm trên Biên bản xác nhận số liệu kiểm tra).

+ Giảm chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với số tiền 4.995.305.008 đồng do xác định sai mức trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

+ Tăng chi phí với số tiền 112.702.259 đồng, là khoản thuế GTGT đầu vào bị loại khấu trừ qua kiểm tra do phân bổ lại theo tỷ lệ.

- Thu nhập tính thuế TNDN tăng 5.022.333.249 đồng vì những lý do trên.

III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Loại thuế	Năm trước chuyển sang	Phải nộp theo kê khai	Số chênh lệch qua kiểm tra	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
Năm 2011					
1. Thuế TNCN	+894.701.933	2.117.961.799		2.852.455.267	+160.208.465
2. Thuế GTGT	+74.366.073	84.089.373	74.103.437	120.455.444	+112.103.439
3. Thuế TNDN	+223.469.862	0	0	133.796.296	+89.673.566
Năm 2012					
1. Thuế TNCN	+160.208.465	660.925.062		860.940.726	-39.807.199
2. Thuế GTGT	+112.103.439	0	127.653.134	0	+239.756.573
3. Thuế GTGT còn được khấu trừ	0	66.353.543	66.353.543	0	0
3. Thuế TNDN	+89.673.566	0	0	0	+89.673.566

(Bảng tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trên ghi nhận theo số liệu báo cáo của đơn vị do trong giai đoạn này đơn vị kê khai và nộp thuế tại Cục Thuế Hà Nội, đồng thời cũng chưa bao gồm số tiền tính chậm nộp. Số tiền này sẽ được ghi nhận khi cơ quan thuế tiến hành đối chiếu và xử lý nợ đọng).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ: Đơn vị có ghi chép, hạch toán kế toán theo quy định.

- Về hóa đơn chứng từ: Đơn vị có xuất hóa đơn khi cung cấp hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế: Đơn vị đã có hành vi vi phạm hành chính: khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Cụ thể:

Kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, kê khai HHDV bán ra chưa đúng quy định, xác định sai thuế suất thuế GTGT HHDV bán ra, đã vi phạm Điều 5, Điều 7, Điều 8 Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12.

Kê khai sai các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đã vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

Các hành vi vi phạm nêu trên cũng đã vi phạm vào Điều 7, Điều 30, Điều 31 Luật Quản lý thuế, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13.

- Đoàn kiểm tra chỉ kiểm tra sổ sách, chứng từ do đơn vị xuất trình theo niên độ kiểm tra. Đơn vị hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã cung cấp cho đoàn kiểm tra, trường hợp sau này phát hiện số liệu trên các hồ sơ do đơn vị xuất trình không đúng với thực tế hoặc đơn vị tự ý chỉnh sửa sai với hồ sơ khi xuất trình cho đoàn kiểm tra thì đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các yêu cầu và kiến nghị:

- Đoàn kiểm tra sẽ kiến nghị lãnh đạo Cục Thuế TP.HCM ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.

- Yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản tạm giữ của cơ quan thuế mở tại Kho bạc Nhà nước khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.

V. Ý KIẾN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

.....
.....
Biên bản được thông qua vào hồi 11 giờ cùng ngày.

Biên bản gồm có 06 trang, được lập thành 06 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN
NGƯỜI NỘP THUẾ

Nguyễn Thị Bích Hồng

TRƯỞNG PHÒNG
KẾ TOÁN

Trần Lan Hương

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN

Lê Như Thuận